



bīng hé

冰河

noun · glacier, icy river

Example Sentences

Bīng hé zài chūn tiān kāi shǐ róng huà

冰河在春天开始融化。

The glacier begins to melt in spring.

kē xué jiā yán jiū bīng hé de biàn huà lái liǎo jiě qì hòu

科学家研究冰河的变化来了解气候。

Scientists study changes in glaciers to understand the climate.

Trace each character, then write the word on your own.

冰	冰	冰	冰	冰	冰	冰	冰	冰		
河	河	河	河	河	河	河	河	河	河	河